

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2008 – 2015 VÀ NHỮNG KHUYẾN NGHỊ

Trần Quang Huy

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên

Email: tranhuyqtkd@tueba.edu.vn

Trần Xuân Kiên

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên

Email: trankien@tueba.edu.vn

Ngày nhận: 24/12/2016

Ngày nhận bản sửa: 28/01/2017

Ngày duyệt đăng: 25/3/2017

Tóm tắt:

Trong những năm vừa qua, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2008 – 2015 khá cao với mức tăng trung bình 12,8%/năm, đặc biệt trong hai năm 2014 – 2015 tăng trưởng kinh tế đạt trên 22%. Phát triển kinh tế đã có nhiều tác động tích cực tới mọi mặt của đời sống xã hội ở Tỉnh. Để tiếp tục phát triển một cách toàn diện về kinh tế và xã hội, tỉnh Thái Nguyên cần có những biện pháp nâng cao trình độ và trang bị kiến thức nghề nghiệp cho lực lượng lao động, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đổi mới và nâng cao hiệu quả theo hướng nghiên cứu ứng dụng trực tiếp, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở phát triển kinh tế bền vững, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển gắn liền với mục tiêu chất lượng dài hạn và gắn với hệ thống các chỉ tiêu phát triển bền vững quốc gia, chỉ tiêu phát triển bền vững vùng.

Từ khóa: Phát triển kinh tế, giảm nghèo, bất bình đẳng, chất lượng cuộc sống.

The relationship between economic development and social issues in Thai Nguyen from 2008 to 2015 and recommendations

Abstract:

Thai Nguyen has gained significant achievements in socio-economic development. The province's average economic growth was 12.8% for the period 2008-2015. Especially, this growth was 22% higher than that of 2014 and 2015. This paper shows that economic development affects positively all aspects of social life in Thai Nguyen. Our results further suggest that Thai Nguyen should improve its workforce's qualification and professional knowledge, promote the application of science and technology in production, and utilize resources effectively. The province also should develop the economy in line with the long-term quality targets and the national and local sustainable development indicators.

Keywords: Economic development; poverty reduction; inequality; social quality.

1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế là tiền đề cho phát triển xã hội thông qua quá trình nâng cao điều kiện sống về vật chất cũng như tinh thần, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của dân cư. Ngược lại, yếu tố xã

hội có tác động đối với phát triển kinh tế theo chiều hướng thúc đẩy (hoặc kìm hãm) sự tăng trưởng của yếu tố kinh tế. Bài viết này tập trung vào việc phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội thể hiện ở các nội dung như: phát triển kinh

Bảng 1: Tốc độ phát triển và cơ cấu kinh tế tỉnh Thái Nguyên 2008 – 2015

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tốc độ tăng trưởng GRDP	11,5	9,0	11,0	9,4	7,2	6,7	22,4	25,2
Cơ cấu kinh tế	100	100	100	100	100	100	100	100
Công nghiệp - xây dựng	39,78	40,42	41,45	41,77	41,25	41,44	44,65	49,40
Dịch vụ - Thương mại	36,24	36,74	36,73	36,95	37,77	38,82	36,21	34,00
Nông - Lâm - Thủy sản	23,98	22,84	21,82	21,28	20,98	19,74	19,14	16,60

Nguồn: Cục thống kê Thái Nguyên (2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015) và tổng hợp số liệu từ báo cáo UBND tỉnh Thái Nguyên

tế và tỷ lệ dân số sống dưới ngưỡng nghèo đói, hệ số bất bình đẳng trong thu nhập, tổng dân số và tỷ lệ tăng dân số và chất lượng cuộc sống của dân cư ở tỉnh Thái Nguyên... Qua đó có những khuyến nghị nhằm điều chỉnh hài hòa quá trình phát triển kinh tế với các vấn đề xã hội của Tỉnh.

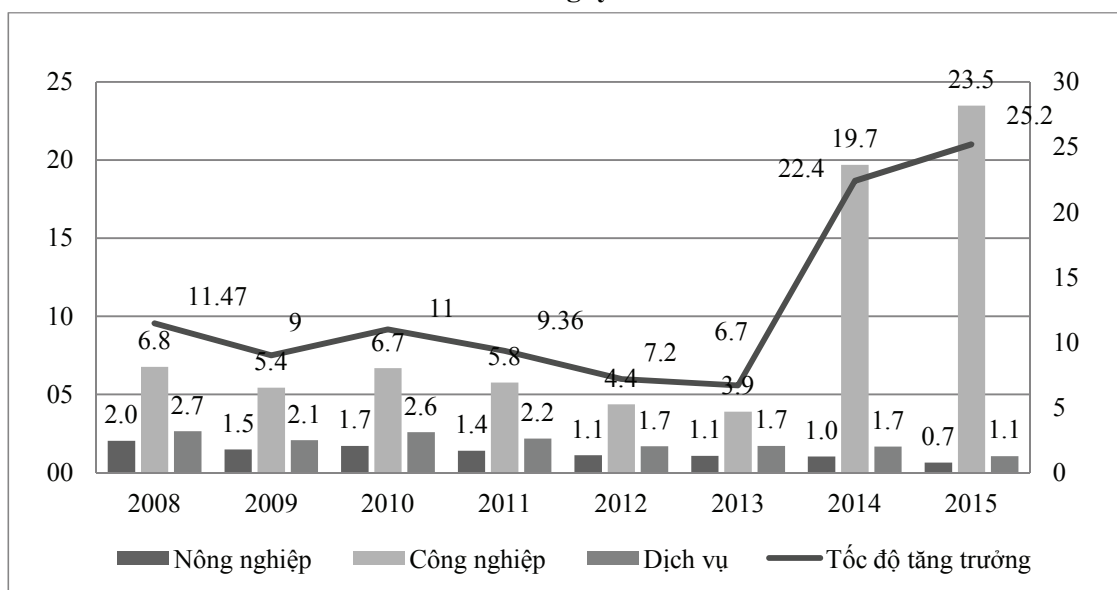
2. Tình hình phát triển kinh tế tỉnh Thái Nguyên 2008 - 2015

Giai đoạn 2008 - 2015, kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng có nhiều biến động do ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, mặc dù nhiều tổ chức dự báo khủng hoảng có thể sớm kết thúc và triển vọng kinh tế sẽ phục hồi trong giai đoạn 2010 – 2015 nhưng trong thực tế cho đến nay khủng hoảng kinh tế vẫn chưa thực sự hồi phục, diễn biến khủng hoảng kinh tế còn tiếp tục và khó tiên lượng. Ảnh

hưởng của khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu đã có tác động không nhỏ tới kinh tế trong nước cũng như tác động tới phát triển kinh tế của các địa phương.

Trước diễn biến mới của kinh tế trong nước, tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều biện pháp trong việc điều hành nền kinh tế như điều chỉnh các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, thực hiện đồng bộ các giải pháp kiềm chế lạm phát theo chủ trương của Chính phủ, ổn định và duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đẩy mạnh thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế của Tỉnh trong từng giai đoạn, cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung thu hút các nguồn vốn đầu tư của nước ngoài trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh

Hình 1: Đóng góp điểm phần trăm của các ngành trong tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Thái Nguyên 2008 – 2015



Nguồn: Cục thống kê Thái Nguyên (2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015) và tính toán của tác giả

(UBND tỉnh Thái Nguyên, 2012).

Tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2008 – 2015 khá cao với mức tăng trung bình 12,8%/năm, đặc biệt trong hai năm 2014 – 2015 tăng trưởng kinh tế đạt trên 22%. Mức tăng trưởng này là kết quả của hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài trên địa bàn của Tỉnh. Các công ty đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh đã cơ bản hoàn thiện giai đoạn xây dựng hạ tầng, bước đầu đi vào sản xuất, tạo sức bật mới và đóng góp giá trị gia tăng cho nền kinh tế của tỉnh. Cơ cấu kinh tế của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2008 – 2015 đã có bước dịch chuyển rõ nét, tỉ trọng trung bình trong cả giai đoạn của lĩnh vực Công nghiệp – Xây dựng chiếm 42,5%, lĩnh vực Dịch vụ – Thương mại chiếm 36,7% và lĩnh vực Nông – Lâm – Thủy sản chiếm 20,8%. Trong đó, đóng góp của các lĩnh vực Công nghiệp – Xây dựng tăng trung bình 77,7%, tương ứng 10,3 điểm phần trăm; lĩnh vực Dịch vụ – Thương mại tăng trung bình 10,1%, đóng góp 1,5 điểm phần trăm; lĩnh vực Nông – Lâm – Thủy sản tăng trung bình 6%, đóng góp 1 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung của tỉnh Thái Nguyên (Hình 1).

Quá trình phát triển cũng như tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn vừa qua cho thấy chính sách khuyến khích thu hút đầu tư trong và ngoài nước đã đem lại những kết quả rõ rệt, cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Nhóm ngành công nghiệp, dịch vụ đóng góp chủ yếu cho sự phát triển kinh tế của tỉnh, bao gồm ngành hàng điện tử, thiết bị truyền thông,

quặng kim loại; ngành xây dựng, thép, xi măng, may mặc, vận tải... các ngành công nghiệp phụ trợ như phụ tùng xe có động cơ, điện, nước, than, gạch xây dựng, các nhóm ngành dịch vụ thương mại đã góp phần thúc đẩy kinh tế của tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh so với giai đoạn trước.

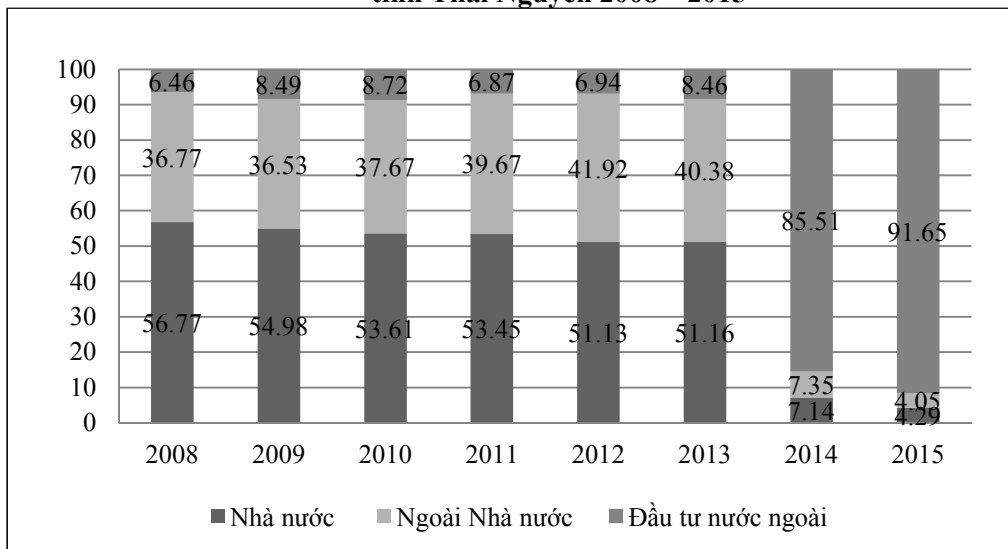
Giá trị sản xuất của các thành phần kinh tế (Nhà nước – Ngoài nhà nước – Đầu tư nước ngoài) trung bình cả giai đoạn 2008 - 2015 đạt tương ứng là 13.433 tỷ đồng; 10.727 tỷ đồng; 62.469 tỷ đồng.

Hình 2 cho thấy trong thời kỳ 2008 – 2013, thành phần kinh tế nhà nước - ngoài nhà nước chiếm trên 90% và đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 10% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, nhưng trong hai năm (2014 – 2015) tỉ trọng này đã thay đổi, đầu tư nước ngoài chiếm trên 90% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, còn lại là tỉ trọng của thành phần kinh tế nhà nước và ngoài nhà nước (chiếm khoảng 10%). So sánh giá trị sản xuất của thành phần đầu tư nước ngoài trong thời kỳ 2008 – 2013 đạt 148.150 tỷ đồng, đến năm 2014 giá trị sản xuất thành phần đầu tư nước ngoài đạt 179.263 tỷ đồng (gấp 1,2 lần thời kỳ 2008 – 2013); năm 2015 đạt giá trị sản xuất 365.628 tỷ đồng (gấp 2,5 lần thời kỳ 2008 – 2013).

3. Phát triển kinh tế với giảm nghèo

Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo thì giảm nghèo là yếu tố chịu sự chi phối, phụ thuộc vào tăng trưởng kinh tế. Trong nền

Hình 2: Cơ cấu giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp tỉnh Thái Nguyên 2008 – 2015



Nguồn: Cục thống kê Thái Nguyên (2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015)

Bảng 2: Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010 – 2015

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	4,53	3,61	3,11	2,62	1,76	1,38
Tỷ lệ giảm nghèo (%)	-	0,92	0,50	0,49	0,86	0,38
Tốc độ giảm nghèo (%)	-	20,29	13,85	15,76	32,82	21,59
Số hộ nghèo (hộ)	58.791	48.620	41.025	35.358	28.118	22.123
GRDP bình quân (tr.đ/người)	17,50	22,30	25,70	29,00	37,30	46,40

Nguồn: Cục thống kê Thái Nguyên (2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015)

kinh tế, nếu tăng trưởng kinh tế chịu sự tác động của các quy luật giá trị, quy luật cung cầu, cạnh tranh, năng suất lao động... thì giảm nghèo chịu sự tác động của quy luật phân hóa giàu nghèo, vấn đề phân phối thu nhập, lao động, việc làm. Trong quá trình vận động, các yếu tố và quy luật tác động lên tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo có thể theo chiều hướng trái ngược nhau. Tăng trưởng nhanh làm cho sự phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội ngày càng sâu, đồng thời nghèo đói đi liền với lạc hậu, chậm phát triển là trở ngại lớn đối với tăng trưởng, phát triển. Một yêu cầu tất yếu trong phát triển kinh tế là phải làm giảm tỷ lệ nghèo trong xã hội, đây cũng là yêu cầu trong quá trình phát triển kinh tế bền vững của thế giới cũng như Chính phủ Việt Nam. Đối với tỉnh Thái Nguyên, chương trình hành động giảm nghèo luôn được quan tâm và thực hiện một cách đồng bộ trong quá trình triển khai, đóng góp vào công tác giảm nghèo của tỉnh không thể không xem xét tác động của phát triển kinh tế của Tỉnh trong giai đoạn vừa qua.

Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có xu hướng giảm và tốc độ giảm nghèo trung bình trong giai đoạn 2010 – 2015 đạt trên 20%/năm, tỷ lệ giảm nghèo của tỉnh trung bình 0,63%/năm. Để thấy được tác động của tăng trưởng kinh tế đến giảm

nghèo, nghiên cứu sử dụng hệ số co dẫn (E) của tỷ lệ nghèo đối với tốc độ tăng thu nhập bình quân, được xác định bằng thương số giữa tốc độ thay đổi tỷ lệ nghèo với tốc độ tăng thu nhập bình quân. Kết quả tính toán cho thấy, hệ số co dẫn (E) = - 0,79 có nghĩa là khi thu nhập bình quân tăng lên 1% thì tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,79% trong giai đoạn 2010 – 2015 (tăng 0,14 so với giai đoạn 2005 – 2010, hệ số co dẫn E = - 0,65), cho thấy tăng trưởng kinh tế đóng vai trò quan trọng trong giảm nghèo, để giảm tỷ lệ nghèo với cùng một mức thu nhập thì tăng trưởng GRDP bình quân đầu người phải tăng cao hơn, tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động, huy động mọi nguồn lực xã hội trong công cuộc xóa đói giảm nghèo và thực hiện chương trình giảm nghèo đa chiều do Chính phủ định hướng.

4. Phát triển kinh tế với thu nhập và bất bình đẳng

Phân tích kết quả thu nhập bình quân phân chia theo 5 nhóm (ngũ phân vị) cho thấy, mặc dù mức tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn vừa qua khá cao và hệ số co giãn của tỷ lệ giảm nghèo với tốc độ tăng thu nhập bình quân nhỏ hơn 1 đã cho thấy thu nhập tập trung vào nhóm dân cư được xác định là người giàu, khoảng cách giữa nhóm dân cư giàu và nghèo vẫn khá rộng, thể hiện

Bảng 3: Thu nhập bình quân phân chia theo ngũ phân vị giai đoạn 2006 – 2014

Chỉ tiêu	2006	2008	2010	2011	2012	2014
Nhóm 1	182,7	269,2	357,9	460,1	499,4	637
Nhóm 2	292	403,4	572,3	753,6	944,7	1185
Nhóm 3	404	565,7	841,8	1098	1398	1829
Nhóm 4	621	1038	1303	1575	2017	2626
Nhóm 5	1277	1973	2683	3341	3865	4937
Hệ số GINI	0,33	0,34	0,34	0,33	0,30	0,29
Hệ số giãn cách thu nhập	6,99	7,33	7,50	7,26	7,74	7,75

Nguồn: Cục thống kê Thái Nguyên (2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015) và tính toán của tác giả

qua đường cong Lorenz và hệ số GINI của tỉnh trong giai đoạn 2006 – 2014.

Theo Ngân hàng thế giới (World Bank), hệ số GINI ở những quốc gia có bình đẳng tuyệt đối hay bất bình đẳng tuyệt đối (phân phối thu nhập chênh lệch) thì hệ số nằm trong khoảng từ 0,5 đến 0,7 và những quốc gia có phân phối thu nhập tương đối công bằng thì hệ số GINI nằm trong phạm vi từ 0,2 đến 0,35. Bên cạnh đó, khi xác định đường cong Lorenz của thu nhập phải có độ dốc xấp xỉ (hoặc bằng) 45°. Hệ số GINI càng nhỏ thì tình trạng bất bình đẳng càng thấp (hay thu nhập được phân phối công bằng). Hệ số GINI của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn qua khá ổn định, dao động trong khoảng từ 0,29 đến 0,34, hệ số giãn cách giữa nhóm thu nhập thấp nhất và cao nhất của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2006 – 2014 khá cao (khoảng 7 lần). Kết quả phân tích hệ số GINI, hệ số giãn cách thu nhập của tỉnh Thái Nguyên cho thấy, phân phối thu nhập giữa các nhóm dân cư của tỉnh Thái Nguyên cơ bản đồng đều, không có nhiều biến động nhưng khoảng cách giữa giàu và nghèo vẫn còn khá rộng, phân phối thu nhập của các nhóm dân cư tương đối công bằng.

5. Phát triển kinh tế với dân số và chất lượng cuộc sống

Quá trình phát triển kinh tế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2008 – 2015 đã góp phần thay đổi đời sống vật chất, tinh thần và điều kiện sống của đại đa số dân cư. Tỷ lệ tăng dân số của tỉnh giai đoạn 2008– 2015 ổn định với mức tăng trung bình khoảng 1,36%/năm. Toàn tỉnh Thái Nguyên tính đến thời điểm cuối năm 2015 có 1.238.785 người, trong đó: khu vực thành thị chiếm 34,11% và nông thôn chiếm 65,89%. Lực lượng lao động của tỉnh khoảng trên 738,8 nghìn người (chiếm khoảng trên 62% dân số toàn tỉnh), đây là lực lượng lao động dồi dào góp phần cho quá trình phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, lực lượng lao động tập trung khá cao tại khu vực nông thôn (chiếm 71,9% trong tổng số lao động của tỉnh năm 2015) và lực lượng lao động khu vực nông thôn được qua đào tạo khá thấp (đạt 15,6% trong tổng số lao động năm 2015), đây là lực cản lớn đối với việc nâng cao năng suất lao động, giá trị sản lượng đóng góp cho nền kinh tế của tỉnh cũng như phát triển kinh tế.

Số liệu thống kê của tỉnh Thái Nguyên cho thấy, tỷ lệ lao động qua đào tạo trung bình cả giai đoạn 2008– 2015 đạt khoảng 20,77% trong tổng số lao động, đây có thể coi là thách thức của tỉnh Thái

Nguyên trong quá trình phát triển kinh tế theo hướng bền vững, bởi vì theo bộ tiêu chí đánh giá phát triển bền vững quốc gia thì tỉ lệ lao động trong nền kinh tế được qua đào tạo năm 2015 đạt 55% (định hướng 2020 đạt trên 70%).

Phát triển kinh tế góp phần tạo việc làm mới và giảm tỷ lệ thất nghiệp trong lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2008 – 2015, tỷ lệ thất nghiệp toàn tỉnh Thái Nguyên trong cả giai đoạn khoảng 1,6%, so sánh với tiêu chí bền vững quốc gia (tỉ lệ thất nghiệp nhỏ hơn 3%) thì tỉ lệ thất nghiệp của tỉnh khá thấp, đây có thể coi là tín hiệu tốt cho quá trình phát triển kinh tế và là tiền đề cho phát triển kinh tế trong giai đoạn 2016 – 2020 hướng tới 2030. Tuy nhiên, khi xem xét tỷ lệ thất nghiệp giữa thành thị và nông thôn của tỉnh thì tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị (2,85%) cao hơn so với khu vực nông thôn (1,18%), mức chênh lệch là 1,67%. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh cũng giảm (tỷ lệ hộ nghèo trung bình cho giai đoạn 2008 – 2015 khoảng 12,5%), mặc dù công cuộc xóa đói giảm nghèo đã đạt được những thành tựu tích cực nhưng tốc độ giảm nghèo của tỉnh Thái Nguyên vẫn còn chậm, so sánh tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh với chỉ tiêu tỷ lệ nghèo trong phát triển bền vững quốc gia thì tỷ lệ hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên cao hơn khoảng 2,5% (so sánh với chỉ tiêu năm 2010). So sánh tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân của cả giai đoạn với chỉ tiêu tốc độ giảm nghèo theo tiêu chí phát triển bền vững quốc gia thì tốc độ giảm của tỉnh Thái Nguyên khá cao (giảm trung bình khoảng 21%/năm).

Ngoài ra, phát triển kinh tế đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư trong toàn tỉnh được thể hiện thông qua các tiêu chí:

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tiêm chủng và tử vong dưới 5 tuổi có xu hướng giảm dần (tốc độ giảm khoảng 1,01%/năm), giá trị trung bình cho cả giai đoạn là 16,64%, đây là chỉ tiêu khá cao so với mặt bằng chung của cả nước (theo báo cáo Viện dinh dưỡng Quốc gia năm 2015, tỉ lệ này của cả nước là 14,5%). So sánh trong hai năm 2014 – 2015, tỉ lệ này của tỉnh Thái Nguyên thấp hơn so với mức trung bình của cả nước.

- Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn vừa qua đạt trung bình trên 81,53%, đây là nỗ lực cao của tỉnh trong việc đưa nước hợp vệ sinh về khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa của tỉnh. Tuy nhiên, vị trí địa lý của các

khu vực (huyện/thị xã/xã/phường) bị chia cắt bởi địa hình, mật độ phân bố dân cư ở một số khu vực không tập trung và đồng đều nên ảnh hưởng tới việc đưa nước hợp vệ sinh về để người dân sử dụng. Việc đầu tư hệ thống nước hợp vệ sinh về khu vực vùng sâu vùng xa khá lớn nên tỉnh Thái Nguyên chưa thể đầu tư theo hướng đồng bộ và toàn diện hệ thống cung cấp nước sạch (hợp vệ sinh) cho toàn bộ dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Tỷ lệ sinh viên đại học trên 10.000 dân của tỉnh Thái Nguyên đạt trung bình 579 sinh viên/10.000 dân, tỷ lệ sinh viên cao gấp hơn 2 lần so với chỉ tiêu phát triển bền vững quốc gia (tỷ lệ sinh viên/10.000 dân giai đoạn 2015 – 2020 là 250), chỉ tiêu này đối với tỉnh Thái Nguyên không khó để đạt được bởi vì tỉnh Thái Nguyên là 1 trong 3 trung tâm đào tạo lớn của cả nước. Tuy nhiên, tỉnh Thái Nguyên chưa có chính sách thu hút lực lượng lao động tiềm năng cho phát triển kinh tế, nguyên nhân là do thị trường lao động của tỉnh chưa có nhiều việc làm, thu nhập và mức lương trả cho lực lượng lao động này còn chưa tương xứng nên đa phần sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ tìm kiếm công việc tại các tỉnh lân cận, các khu công nghiệp và tìm việc tại Hà Nội hoặc trở về địa phương cư trú. Để phát triển kinh tế với tốc độ cao và ổn định, tỉnh Thái Nguyên cần có chính sách thu hút nguồn nhân lực qua đào tạo để làm việc tại các công ty, tập đoàn, doanh nghiệp trên địa bàn, tạo chính sách thu hút vốn đầu tư cho các khu công nghiệp để các doanh nghiệp đầu tư có thể sử dụng lực lượng lao động tiềm năng cho quá trình sản xuất kinh doanh, đóng góp cho quá trình phát triển kinh tế của tỉnh.

- Tỷ lệ người dân được tiếp cận với phương tiện truyền thông hiện đại được xem xét trong quá trình phát triển kinh tế cũng như những tác động của phát triển kinh tế tới tiêu chí này. Trong giai đoạn 2008 – 2015, hệ thống phương tiện truyền thông (công nghệ thông tin) của tỉnh Thái Nguyên phát triển với tốc độ cao, tính đến tháng 1/2016 số lượng thuê bao di động của tỉnh đạt trên 1,055 triệu thuê bao; số thuê bao Internet đạt trên 62 nghìn thuê bao, số thuê bao điện thoại cố định đạt trên 50,6 nghìn thuê bao, số đại lý Internet đạt 364 đại lý, điểm truy cập Internet công cộng đạt 45 điểm truy cập; Truyền hình IPTV đạt trên 31 nghìn thuê bao; Số lượng báo in đạt trung bình trên 2,5 triệu bản/năm... Chỉ số ICT Index của tỉnh Thái Nguyên đứng vị trí thứ 6/63 tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, hệ thống đài truyền thanh – truyền hình của tỉnh phủ sóng 9/9 huyện,

thành phố, thị xã... và tiếp sóng các chương trình truyền hình Trung ương, đảm bảo từ 14 đến 22 giờ phát sóng truyền thanh – truyền hình trong ngày, tỷ lệ người dân được tiếp cận với thông tin trên địa bàn tỉnh đạt trên 97% trên tổng dân số của tỉnh.

6. Một số khuyến nghị

Chính sách thu hút đầu tư trong và ngoài nước đã đạt được những thành tựu quan trọng, cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp, trên địa bàn đã xuất hiện một số dự án đầu tư lớn của các Tập đoàn trong và ngoài nước, đặc biệt là dự án sản xuất lắp ráp đồ điện tử của Tập đoàn Samsung. Để phát huy lợi thế này, Thái Nguyên cần đẩy mạnh phát triển các dịch vụ hỗ trợ cho các khu công nghiệp, xây dựng chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến lâm sản, nông sản sạch và sản xuất thân thiện môi trường, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhằm phát huy hơn nữa những lợi thế của địa phương. Thu hút các nguồn lực đầu tư cho công nghiệp phụ trợ, công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản gắn với sản xuất vật liệu mới. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thiện tổ hợp công nghiệp điện tử Samsung và tổ hợp công nghiệp phụ trợ cho Samsung. Phát triển dịch vụ trong mối liên kết với các tỉnh lân cận trong vùng, các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, đặc biệt là Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh và Hải Phòng.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo trung bình cả giai đoạn 2008 – 2015 của tỉnh Thái Nguyên còn khá thấp, đạt khoảng 20,77%. Để đạt được tỷ lệ lao động trong nền kinh tế được đào tạo đến năm 2020 theo bộ tiêu chí đánh giá phát triển bền vững quốc gia, tỉnh Thái Nguyên cần có biện pháp cụ thể cho việc đào tạo lực lượng lao động (đặc biệt là lao động nông thôn) nhằm nâng cao trình độ và trang bị kiến thức nghề nghiệp phù hợp, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Tỉnh Thái Nguyên cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp (trung cấp, cao đẳng, đại học) để tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho lực lượng lao động, phát huy lợi thế trung tâm đào tạo lớn thứ 3 trong cả nước về giáo dục và đào tạo.

Tăng trưởng và phát triển kinh tế gắn với yêu cầu hiệu quả, nâng cao chất lượng các chỉ tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế, cần chuyển hướng phát triển theo chiều sâu như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trình độ kỹ thuật công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng năng suất lao động, đầu tư

vào lĩnh vực có giá trị gia tăng cao và khai thác tối đa lợi thế so sánh. Phát triển kinh tế cần chú trọng tới giảm nghèo, bất bình đẳng thu nhập giữa các nhóm dân cư và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Quan tâm hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc; phát triển toàn diện, bảo tồn và phát huy truyền thống của các dân tộc trong tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, tăng cường liên kết kinh tế với các tỉnh trong vùng và cả nước.

Phát triển kinh tế đã có đóng góp quan trọng và tác động không nhỏ tới mục tiêu giảm nghèo. Để thực hiện chiến lược giảm nghèo bền vững, tỉnh Thái Nguyên cần đẩy mạnh hỗ trợ cho người nghèo như đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển kinh tế hộ, tạo cơ hội việc làm tại chỗ, tăng cường đầu tư hạ tầng xã hội cho các khu vực khó khăn (giao thông, điện, hạ tầng cơ bản...), tăng cường tuyên truyền thay đổi nhận thức và khơi dậy ý chí thoát nghèo.

Tài liệu tham khảo

Cục thống kê Thái Nguyên (2009), *Niên giám thống kê Thái Nguyên 2008*, Thái Nguyên.

Cục thống kê Thái Nguyên (2011), *Niên giám thống kê Thái Nguyên 2010*, Thái Nguyên.

Cục thống kê Thái Nguyên (2012), *Niên giám thống kê Thái Nguyên 2011*, Thái Nguyên.

Cục thống kê Thái Nguyên (2013), *Niên giám thống kê Thái Nguyên 2012*, Thái Nguyên.

Cục thống kê Thái Nguyên (2014), *Niên giám thống kê Thái Nguyên 2013*, Thái Nguyên.

Cục thống kê Thái Nguyên (2015), *Niên giám thống kê Thái Nguyên 2014*, Thái Nguyên.

UBND tỉnh Thái Nguyên (2012), *Quyết định 1323/QĐ-UBND ngày 25/6/2012 Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 – 2020*.